

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /2014/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý
và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 29/7/2008 của liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2012/NQ-HĐND ngày 21/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình Việc làm và Dạy nghề tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2012-2015;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 80/TTr-SLĐTBXH ngày 10 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và hủy bỏ Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các đoàn thể, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*32*

Nơi nhận: *32*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP;
 - + TH, NC, TCTM;
- Lưu: VT, VHXX.

(557k)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
DÂN CHỦ TỊCH



Law

Hoàng Trọng Hải

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2014/QĐ-UBND ngày **14** /7 /2014 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguồn vốn, quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Quỹ việc làm); trình tự, thủ tục, quy trình, thẩm quyền cho vay vốn; trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý và sử dụng Quỹ việc làm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến quản lý và sử dụng Quỹ việc làm.

Điều 3. Nguồn vốn hình thành Quỹ việc làm

1. Quỹ việc làm được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo dự toán kinh phí hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh trình;
- b) Hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- c) Các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

2. Nguồn vốn của Quỹ việc làm được uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk, sử dụng cho vay để giải quyết việc làm theo đúng mục tiêu tạo việc làm của tỉnh và Trung ương.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đối tượng được vay vốn

1. Hộ kinh doanh cá thể; tổ hợp sản xuất; hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật; doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; chủ trang trại; Trung tâm Giáo dục Lao động - Xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

2. Hộ gia đình.

3. Người lao động tự tạo việc làm ổn định tại chỗ.

Điều 5. Điều kiện được vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay, mức vốn, thời hạn, lãi suất và phương thức cho vay

1. Điều kiện được vay vốn, mục đích sử dụng, mức vốn vay và thời hạn cho vay

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với người lao động tự tạo việc làm ổn định tại chỗ áp dụng theo quy định của hộ gia đình (tại Điểm a Khoản 1 Điều này).

2. Về lãi suất cho vay

a) Bằng mức lãi suất cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm do Thủ tướng Chính phủ quy định theo từng thời kỳ;

Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người lao động là người khuyết tật, thì mức lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Quyết định số 51/2008/QĐ-TTg ngày 24/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người lao động là người khuyết tật.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

3. Phương thức cho vay

a) Đối với hộ gia đình: Áp dụng phương thức cho vay theo quy định của Quỹ quốc gia về việc làm.

b) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động tự tạo việc làm tại chỗ trực tiếp cho vay tại Hội sở Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, thị xã.

Điều 6. Xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định và phê duyệt dự án

Việc xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định và phê duyệt dự án được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 29/7/2008 của liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg.

Điều 7. Thủ tục và quy trình nghiệp vụ cho vay

Áp dụng theo thủ tục và quy trình nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 8. Tổ chức chuyển vốn và giải ngân

1. Căn cứ nguồn vốn bổ sung hàng năm được Hội đồng nhân dân tỉnh duyệt và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có), Giám đốc Sở Tài chính chuyển vốn cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk triển khai cho vay theo quy định hiện hành để tổ chức kịp thời giải ngân cho các dự án đã được duyệt.

2. Đối với dự án đã được phê duyệt cho vay nhưng không giải ngân được, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phải báo cáo rõ lý do và hướng xử lý với cơ quan phê duyệt dự án cho vay để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 9. Thu hồi và sử dụng vốn thu hồi

1. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xây dựng kế hoạch thu nợ, tiến hành thu hồi cả nợ gốc và tiền lãi vay khi đến hạn, bảo toàn nguồn vốn; đối tượng vay có thể trả vốn trước hạn. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phải tổ chức kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay nếu phát hiện đối tượng sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì lập biên bản, báo cáo với cơ quan phê duyệt dự án ra quyết định thu hồi nợ trước thời hạn.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội sử dụng vốn thu hồi để cho vay các dự án đã được phê duyệt, hạn chế nguồn vốn tồn đọng.

Điều 10. Xử lý nợ đến hạn

1. Đến hạn trả nợ đối tượng vay vốn phải có trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi vay đầy đủ cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ, do nguyên nhân khách quan gặp khó khăn về tài chính dẫn đến đối tượng vay vốn chưa có khả năng trả nợ và có nhu cầu gia hạn thì phải làm đơn xin gia hạn nợ (theo mẫu của Ngân hàng Chính sách xã hội) gửi Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay để xem xét, giải quyết. Căn cứ vào đơn xin gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay kiểm tra, xem xét, giải quyết gia hạn nợ theo quy định hiện hành.

3. Thời gian được gia hạn nợ đối với các khoản vay từ 12 tháng trở xuống thì tối đa bằng thời hạn đã cho vay; đối với những khoản vay từ 12 tháng đến 60 tháng, thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đã được phê duyệt hoặc được thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh).

Điều 11. Chuyển nợ quá hạn

1. Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng (đối với hộ gia đình, cá nhân) hoặc đến kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh) đối tượng vay vốn không trả được nợ và không được xem xét gia hạn nợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay chuyển số dư đó sang nợ quá hạn.

2. Khi chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay gửi thông báo chuyển nợ quá hạn cho khách hàng và báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án để có biện pháp thu hồi nợ. Sau 03 tháng kể từ ngày chuyển sang nợ quá hạn và đã được đôn đốc trả nợ nhưng đối tượng vay vốn vẫn cố tình không trả thì Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, có thể chuyển hồ sơ cho vay vốn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 12. Xử lý nợ rủi ro

1. Việc xem xét xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng; các biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý, trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro áp dụng theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội; Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thẩm quyền xem xét, xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro của tỉnh (được trích 30% số tiền lãi thực thu được từ cho vay Quỹ việc làm, tại Điều 13 của Quy chế này). Trường hợp nguồn vốn từ Quỹ dự phòng rủi ro không đủ để bù đắp thì Giám đốc Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp bổ sung kinh phí hoặc khấu trừ vào nguồn vốn đã được ủy thác tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Phân phối và sử dụng tiền lãi thực thu được từ cho vay Quỹ việc làm

Việc phân phối và sử dụng tiền lãi thực thu được từ cho vay Quỹ việc làm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm.

Điều 14. Kinh phí quản lý Quỹ việc làm

1. Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả phí dịch vụ cho cơ quan, tổ chức tham gia phối hợp hướng dẫn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn, xử lý nợ theo quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Kinh phí quản lý Quỹ việc làm thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch cho vay vốn, kế hoạch giải quyết việc làm hàng năm, 5 năm từ nguồn vốn cấp mới và vốn thu hồi, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giao kế hoạch cho các đơn vị.

2. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới và các hoạt động cho vay vốn; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và sử dụng Quỹ việc làm an toàn, hiệu quả.

3. Phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, quản lý nguồn vốn bổ sung hàng năm, nguồn vốn đã ủy thác và tiền lãi thực thu được từ cho vay Quỹ việc làm.

4. Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk thực hiện nhiệm vụ quản lý cho vay vốn, thu hồi vốn và sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả.

5. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo hoạt động của Quỹ việc làm.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán ngân sách tỉnh bổ sung cho Quỹ việc làm hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân phối tiền lãi thực thu được từ cho vay Quỹ việc làm.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc phân phối, sử dụng tiền lãi thực thu và kinh phí quản lý Quỹ việc làm.

3. Theo dõi, quản lý Quỹ việc làm, Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk

1. Nhận ủy thác Quỹ việc làm; triển khai cho vay vốn giải quyết việc làm, tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay. Hướng dẫn đối tượng vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn khi có nhu cầu; tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định dự án vay vốn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giải ngân vốn và thu hồi nợ theo quy định.

2. Chỉ đạo Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã hướng dẫn đối tượng vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn khi có nhu cầu; tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định dự án vay vốn được phân cấp trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã phê duyệt, giải ngân vốn và thu hồi nợ theo quy định.

3. Trích tiền lãi thực thu được từ cho vay Quỹ việc làm chuyển các cơ quan được thụ hưởng sau khi có quyết định phân phối tiền lãi của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả cho vay vốn, tiền lãi vay, thu hồi nợ; kết quả xử lý nợ bị rủi ro theo định kỳ quý, 6 tháng, hàng năm, báo cáo đột xuất về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, thẩm quyền.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Xây dựng kế hoạch cho vay vốn giải quyết việc làm hàng năm, 5 năm của địa phương; theo dõi, quản lý Quỹ việc làm được giao; chỉ đạo các đơn vị liên quan hướng dẫn xây dựng dự án vay vốn theo quy định; phê duyệt dự án cho vay vốn thuộc thẩm quyền, đồng thời chịu trách nhiệm tính hiệu quả của chi tiêu tạo việc làm mới và bảo toàn nguồn vốn.

2. Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố phối hợp cùng các phòng chức năng liên quan lập kế hoạch cho vay vốn giải quyết việc làm hàng năm, 5 năm.

3. Chỉ đạo Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thị xã kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay giải quyết việc làm; đánh giá quá trình thực hiện, báo cáo kết quả cho vay vốn theo định kỳ quý, 6 tháng, hàng năm, báo cáo đột xuất gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận địa điểm thực hiện dự án, đối tượng vay vốn thuộc địa phương quản lý.

b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay, các đơn vị liên quan hướng dẫn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định dự án, giải ngân, thu hồi vốn và xử lý nợ; kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn.

Điều 19. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

1. Nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay, tổ chức quản lý, sử dụng Quỹ việc làm theo quy định.

2. Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay hướng dẫn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn; tổ chức thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn, đôn đốc trả nợ; kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Hoàng Trọng Hải